TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 6 năm 2020
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông: Nguyễn Vũ Bằng

Bà: Nguyễn Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khanh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc: Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Hoàng E**, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chổ ở hiện nay: Khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Trần Văn P,** sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Hoàng E trình bày tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2020:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn P kết hôn năm 1998 hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung tên Trần Thị C, sinh năm, sinh năm 1999; Trần Quốc K, sinh năm 2000, các con (trưởng thành).

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn P: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các giấy mời về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị Nguyễn Hoàng E và anh Trần Văn P có nơi trú tại xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Hoàng E khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Văn P, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị E là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị E là nguyên đơn, anh P là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hoàng E và anh Trần Văn P kết hôn năm 1999, hôn nhân tự nguyện không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Đơn khởi kiện và đơn xin vắng mặt của chị E và anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh P. Do anh P và chị E chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật, nên hôn nhân giữa chị E và anh P là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị E yêu cầu ly hôn, anh P không ghi được ý kiến nhưng chị E không còn thương yêu anh P nữa vì thời gian ly thân khá lâu anh P và chị E không hàn gắn lại được, nay chị E muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân Tòa án không công nhận anh P và chị E là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung nay trưởng thành không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị E xác định không có, Tòa án không ghi được ý kiến anh P nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này các bên có xảy ra tranh chấp về tài sản chung nợ chung thì kiện thành một vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Chị E tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận Chị Nguyễn Hoàng E và anh Trần Văn P là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị E tự nguyện chịu 300.000 đồng, ngày 22/4/2020 theo biên lai số 0003533 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

3. Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thanh Thủy